



CALTEX

PRODUCT BULLETIN



Texatherm[®]

Dầu truyền nhiệt công nghiệp

Dầu pa-ra-fin tinh lọc từ dầu mỏ, bền nhiệt, được pha chế để làm dầu truyền nhiệt cho các hệ thống truyền nhiệt tuần hoàn cưỡng bức kín và hở.

ỨNG DỤNG

Có thể sử dụng cho hệ thống truyền nhiệt trong các thiết bị sấy công nghiệp, ngành công nghiệp cao su và chất dẻo, hệ thống gia nhiệt bể chứa nhựa đường và dầu FO, hệ thống xử lý, chế biến và đóng hộp thực phẩm, hệ thống gia nhiệt trong phân xưởng, nhà máy sản xuất xà phòng, nhựa, keo, phẩm nhuộm, sơn, dược phẩm và mỡ bôi trơn, nhà máy sản xuất gỗ ván, ván ép từ xơ sợi và gỗ vơ-nia, hệ thống gia nhiệt và sấy trong nông nghiệp, hệ thống xử lý hóa chất, dầu mỏ và sáp.

- Hệ thống hở hoạt động ở nhiệt độ lên đến 200°C
- Hệ thống kín (có lớp phân cách bằng dầu nguội hay khí trơ) hoạt động với nhiệt độ dầu lên đến 320°C.

Để các hệ thống kín hoạt động lâu dài và không sự cố, nên giới hạn nhiệt độ tối đa trên bề mặt tiếp xúc với dầu của thiết bị cấp nhiệt ở 340°C.

Khi vận hành, dầu truyền cần phải tuần hoàn cưỡng bức.

ƯU ĐIỂM

☉ Hiệu suất truyền nhiệt tối đa

Các đặc tính truyền nhiệt tuyệt vời giúp dầu tuần hoàn dễ dàng và truyền nhiệt hiệu quả.

☉ Chống hình thành cặn bám

Khả năng bền ô xy hóa và bền nhiệt rất cao của dầu giúp chống sinh ra cặn bùn và cặn các bon, do đó kéo dài thời gian sử dụng dầu.

☉ Thiết bị khởi động nhanh

Tính năng lưu động ở nhiệt độ thấp cho phép dầu tuần hoàn nhanh chóng.

☉ Kinh tế khi vận hành ở áp suất thấp

Áp suất hơi thấp ở nhiệt độ cao giúp giảm thiểu sự bay hơi, hạn chế hiện tượng tạo nút khí và xâm thực bơm, cho phép vận hành hữu hiệu khi áp suất hệ thống nhỏ. Vì vậy, không cần dùng thiết bị trao đổi nhiệt và hệ thống ống chịu áp lực cao đắt tiền.

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong Tài liệu về an toàn sản phẩm (MSDS) và Bản hướng dẫn an toàn cho người sử dụng của Caltex. Khách hàng nên tham khảo những thông tin này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có Tài liệu MSDS hãy vào trang web www.caltexoils.com.

CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH

Cấp độ nhớt ISO	32			46		
Nhiệt độ tự bốc cháy, °C	350			360		
Điểm chớp cháy cốc hở, °C	212			224		
Điểm rót chảy, C	-12			-9		
Độ nhớt,						
mm ² /s ở 40°C	30,6			43,3		
mm ² /s ở 100°C	5,3			6,5		
Chỉ số độ nhớt	102			99		
Các đặc tính vật lý và nhiệt theo nhiệt độ ⇨	100°C	200°C	300°C	100°C	200°C	300°C
Khối lượng riêng, kg/L	0,82	0,76	0,69	0,83	0,77	0,70
Độ nhớt động lực, mPa.s	4,35	1,05	0,46	5,40	1,20	0,52
Nhiệt dung riêng, kJ/kg.°C	2,15	2,51	2,88	2,12	2,50	2,87
Độ dẫn nhiệt, W/m.°C	0,128	0,120	0,112	0,126	0,119	0,112
Áp suất hơi, mmHg	-	3,5	150	-	2,0	100

0501

Tờ Thông tin Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi Chevron Global Lubricants, Châu Á Thái Bình Dương.

Một nhãn hiệu của **Chevron**



CALTEX